

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/01/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thúy Hà;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Đông;**

2. Bà **Hoàng Thị An.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Xuân Luân** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 571/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 10/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 20/01/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị L, sinh năm 1991.**

Hộ khẩu thường trú: Thôn Xuân L, xã Xuân T, huyện Sóc S, TP. Hà N.

(Chị L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H, sinh năm 1986.**

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đại B, xã Nguyên K, huyện Đông A, TP. Hà N.

(anh H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tình hiểu, có tổ chức hôn lễ và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày 13/03/2013. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà gia đình bố mẹ đẻ của anh H. Quá trình chung sống, hai năm sau kết hôn, vợ chồng hòa thuận, không xảy ra vấn đề gì. Đến năm 2015 thì phát sinh

mâu thuẫn, khi đó, chị L đã ly thân với anh H và chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn Xuân L, xã Xuân T, huyện Sóc S, thành phố Hà N được khoảng 07 tháng. Sau đó, được gia đình hai bên can thiệp hoà giải nên chị quay lại Đại Bằng, vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, đến tháng 03/2020 thì mâu thuẫn phát sinh trầm trọng hơn trước và từ thời điểm này cho đến nay, chị và anh H tiếp tục sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, chị bị áp lực về chuyện hiếm muộn, anh H thường xuyên chơi bời lêu đẽ, hao mòn kinh tế, không vun vén cuộc sống gia đình. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh H.

- **Về con chung:** Chị L và anh H không có con chung.

- **Về tài sản, công sức đóng góp, nợ chung:** Chị L và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Nguyễn Văn H từ chối khai báo.*

Kết quả điều tra xác minh cho thấy, anh H sống tại nhà bố mẹ đẻ tại Thôn Đại B, xã Nguyên K, huyện Đông A, TP. Hà N. Anh H là giáo dân theo đạo Công giáo nên việc ly hôn với anh là điều cấm kỵ, anh đã biết rõ thông tin về vụ án nhưng từ chối tham gia giải quyết vụ án.

** Ông Nguyễn Văn V – bố đẻ của bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày tại Biên bản xác minh đề ngày 27/12/2021 như sau:*

Chị L và anh H kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai anh chị sống chung với gia đình ông tại thôn Đại Bằng, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới, vợ chồng anh H, chị L chung sống cùng nhà với vợ chồng ông trong khoảng 06 năm (sáu năm). Từ khoảng tháng 02/2019, chị L bỏ gia đình nhà chồng về nhà mẹ đẻ tại thôn Xuân L, xã Xuân T, huyện Sóc S, thành phố Hà N và từ đó không quay trở lại. Trước thời điểm này, chị L cũng đã có một vài lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ, ông V và cậu ruột của anh H đã từng xuống tận nhà mẹ đẻ của chị L để đón chị về. Ông nhận thấy rằng anh H và chị L có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn xảy ra như thế nào nguyên nhân do đâu thì ông không rõ.

Về con chung, anh H và chị L không có con chung với nhau.

Về tài sản chung và công sức đóng góp, vợ chồng anh H, chị L tuy sống chung với gia đình ông nhưng không có công sức đóng góp chung gì, không mua sắm gì vào tài sản trong gia đình ông. Còn nợ chung, anh chị có nợ chung hay không, ông không rõ.

Nay, chị L xin ly hôn với anh H thì theo quan điểm của ông là quyền quyết định là ở anh chị, ông không can thiệp, nếu chị L muốn ly hôn thì đề nghị Tòa

án cho chị toại nguyện, anh H là giáo dân theo đạo Công giáo nên việc ly hôn là điều cấm kỵ nhưng anh H cũng sẽ chấp nhận phán quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn gửi Tòa xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên lời khai như đơn khởi kiện và tại bản tự khai, đồng thời đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án tuyên :

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị L.

+ Về con chung: Chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn H không có con chung nên không xét.

+ Tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, anh H không có yêu cầu về tài sản nên không xét.

+ Về án phí: Vụ án áp dụng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H có nơi cư trú tại địa bàn huyện Đông Anh, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo

quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh H vắng mặt trong quá trình tố tụng. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào ngày 13/03/2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyên K, huyện Đông A, thành phố Hà N. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, hai anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột quan điểm sống, vấn đề về việc hiếm muộn khiến cuộc hôn nhân trở nên buồn tẻ bế tắc. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm (từ đầu năm 2020 cho đến nay), không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Từ ngày ly thân, chị L về nhà bố mẹ đẻ sống đến nay. Chị L khẳng định hiện nay chị đã không còn tình cảm với anh H. Việc hàn gắn tình cảm vợ chồng là khó, không thể thực hiện được.

Đại diện gia đình anh H là bố đẻ anh H (ông Nguyễn Văn V) khẳng định anh chị có mâu thuẫn không thể hóa giải, chị L đã nhiều lần bỏ nhà đi không về, đến nay chị L có đơn xin ly hôn thì đề nghị Tòa án cho chị toại nguyện, anh H là giáo dân theo đạo Công giáo nên việc ly hôn là điều cấm kỵ nhưng gia đình ông và anh H cũng sẽ chấp nhận phán quyết của Tòa án.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn H không có con chung nên không xét.

Về tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có lời khai, không có quan điểm về tài sản chung nên không xem xét, giải quyết.

Trường hợp vợ chồng có tài sản chung, chị L và anh H có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác khi có đủ điều kiện theo pháp luật.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 các Điều 28, 35, 39; 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Không có, không giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Dành quyền khởi kiện về tranh chấp tài sản chung sau ly hôn cho chị L, anh H bằng vụ án khác nếu anh chị có yêu cầu.

Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận chị Hoàng Thị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2020/0045803 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh nay chuyển thành án phí. Chị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- UBND xã Nguyên Khê;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Thuý Hà

